*Thứ hai ngày 6 tháng 11 năm 2023*

**TUẦN 10**

**Hoạt động trải nghiệm:**

Sinh hoạt dưới cờ: Lễ phát động thi đua thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy

**Tiếng Việt**

**Bài 41: ui ưi**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *ui, ưi;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *ui, ưi* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *ui, ưi* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *ui, ưi*

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

- Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần *ui, ưi.*

- HS phát triển kĩ năng nói lời *xin phép*

- Phát triển cho HS kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung các tranh minh họa qua các bức tranh vẽ vùng núi cao với phong cảnh và con người nơi đây.

**3. Phẩm chất:**

Yêu nước : HS biết yêu thiên nhiên, cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên ở vùng núi cao của đất nước.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của vần ui, ui; cấu tạo, và cách viết các chữ ui, ưi; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách gìải thích nghĩa của những từ ngữ này như nở rộ: nở nhiều, cùng một lúc rộn rã: âm thanh nhiều, sôi nổi, liên tiếp.

- Nhà sàn: Nhà của người dân tộc thiểu số sống ở vùng núi cao. Nhà có sàn cách mặt đất hoặc mặt nước, dùng để ở, thường thấy ở miền núi hoặc vùng sông nước.

- Cây sim: Là loài cây bụi nhỏ thường mọc ở vùng đối núi. Hoa sim màu tím, quả sim chín màu tím đen, chứa nhiều hạt có thể ăn được.

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Nhận biết**  HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  + Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bà gửi cho Hà/ túi kẹo.  - GV gìới thiệu các vần mới ui, ưi. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- Đọc vần ui**  **+ Đánh vần**  • GV đánh vần mẫu ui.  • GV yêu cầu một số (5 6) HS nối tiếp nhau đánh vần.  • GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh một lần  **+ Đọc trơn vần**  • GV yêu cầu một số (5 6) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.  • GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh vần một lần.  **+ Ghép chữ cái tạo vần**  • GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần  • GV yêu cầu HS nêu cách ghép.  - Đọc vần ưi  Quy trình tương tự quy trình đọc vần ui.  **- So sánh các vần**  + GV yêu cầu HS tìm điểm gìống nhau, khác nhau gìữa các vần ui, ưi trong bài,  + GV yêu cầu HS nêu lại các vần vừa học.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV gìới thiệu mô hình tiếng mẫu túi (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng túi.  + GV yêu cầu một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu túi (tờ – i – tui sắc – túi). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đọc tiếng chứa vần ui  • GV đưa các tiếng chứa vần thứ nhất, yêu cầu HS tìm điểm chung cùng chứa vần thứ nhất ui.  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng cùng vần.  • Đọc trơn các tiếng cùng vần.  + Đọc tiếng chứa vần ưi  Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa vần ui.  - Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 4 tiếng lẫn hai nhóm vần.  ( GV có thể chỉ xen kẽ)  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần đang học:  + GV yêu cầu 1- 2 HS phân tích tiếng, 1 -2 HS nêu lại cách ghép.  - Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: dãy núi, bụi cỏ, gửi thư. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn dãy núi  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. -- GV cho từ ngữ dãy núi xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần ui trong dãy núi, phân tích và đánh vần tiếng núi, đọc trơn từ ngữ dãy núi.  -GV thực hiện các bước tương tự đối với bụi cỏ, gửi thư,  - GV yêu cầu HS tìm từ ngữ mới có vần ui hoặc ưi.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần ui, ưi.  - HS viết vào bảng con: ui, ưi và núi, gửi (chữ cỡ vừa và nhỏ).  - HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi  -HS : Hà, túi kẹo, hình ảnh bà  - HS đọc Bà gửi cho Hà/ túi kẹo.theo GV  - HS đọc lại câu vài lần theo GV.  -Hs lắng nghe và quan sát  - HS: lắng nghe  -HS: đánh vần ui ( 6em)  - Lớp đánh vần ui đồng thanh một lần.  - HS đọc trơn nối tiếp vần ui. (6em)  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh vần ui  -HS tìm  -HS ghép vần ui cả lớp  -HS nêu cách ghép  -HS tìm điểm gìống nhau cả 2 vần đều có i đứng sau, khác nhau là u,ư  - HS: ui, ưi  -HS lắng nghe  - HS ghép *túi*  -HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS tìm điểm chung là i đứng sau  -HS : đánh vần các tiếng có vần ui, cả lớp đồng thanh  -HS đọc trơn các tiếng có vần ui, cả lớp đồng thanh  - HS: mỗi em đọc 3 tiếng có cả 2 vần đang học. (4 em đọc )  - HS: 3 em đọc tất cả các tiếng chứa 2 vần  -HS tự tạo: bùi, sửi, cửi,..  -HS phân tích nêu cách ghép  - Lớp đọc trơn đồng thanh  -HS lắng nghe, quan sát  -HS nói: dãy núi, phân tích đánh vần tiếng núi, đọc trơn từ dãy núi.  -HS nhận biết thực hiện tương tự  - HS tìm: mùi thơm , múi cam , sụt sùi, ngọn núi  -HS đọc trơn nối tiếp các tiếng dưới tranh  ( *dãy núi, bụi cỏ, gửi thư*.) ( 4 lượt)  - Lớp đọc đồng thanh một số lần.  - HS đọc cá nhân, cả lớp các tiếng và từ ngữ  trong phần Đọc  -HS lắng nghe  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách gìữa các chữ trên một dòng).  -HS nhận xét  -HS lắng nghe | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**TOÁN**

**BÀI 10 : PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 ( 6 tiết)**

**TIẾT 3**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

**-**Bước đầu nhận biết được đặc điểm của phép cộng với 0: số nào cộng với 0 cũng bằng chính số đó, 0 cộng với số nào bằng chính số đó**.**Vận dụng được đặc điểm này trong thực hành tính

+Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.

+ Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của | bài toán.

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự hoàn thiện bài tập sau tiết học

- Năng lực giao tiếp hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau hoàn thành các bài tập

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

+Nhận biết được ý nghĩa của Phép cộng là “gộp lại”, là “thêm vào”. Biết tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 10 bằng cách đếm tất cả hoặc đếm thêm.

+Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 10

+Biết tính và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính cộng (Theo thứ tự từ trái sang phải).

+Bước đầu nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua các công thức số (dạng 3+4 = 4 + 3). Vận dụng tính chất này trong thực hành tinh.

**3. Phẩm chất :**

Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Bộ đồ dùng dạy Toán 1 của GV, HS.

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  Trò chơi: “Giải cứu thú cưng”  - GV phổ biến luật chơi: Các chú cún đã bị bắt cóc và bị nhốt trong những chiếc chuồng. Trong lúc kẻ xấu đang say ngủ, hãy cố gắng trả lời đúng các câu hỏivàgiúp các chú cún trốn thoát. | - HS tham gia trò chơi |
| **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **Khám phá: Hình thành phép cộng.**  **1- Giới thiệu bài:** Nêu tên bài học – ghi bảng – cho HS nhắc lại tên bài  **2. Khám phá: thêm vào thì bằng mấy?**  a) **-** GV cho HS quan sát hình trên máy chiếu và cho HS tự nêu bài toán dựa theo hình ảnh trong tranh biểu thị. GV gợi ý:  + Lúc đầu trong bình có mấy bông hoa?  + Bạn Mai cắm thêm mấy bông hoa nữa?  + Vậy trong bình có tất cả mấy bông hoa?  - HD HS cách nêu câu trả lời đầy đủ:  + 5 bông hoa thêm 2 bông hoa được mấy bông hoa?  + Vậy có tất cả mấy bông hoa?  - GV nêu đầy đủ: 5 bông hoa thêm 2 bông hoa được 7 bông hoa. Có tất cả 7 bông hoa.  - YC HS nêu lại.  - Tương tự YCHS quan sát hình tròn trên máy chiếu kết hợp thao tác lấy 5 chấm tròn màu đỏ lấy thêm 2 chấm tròn màu xanh trong bộ đồ dùng Toán. Cho HS thực hiện thao tác *lấy thêm* và nêu kết quả có bao nhiêu chấm tròn sau khi lấy thêm.  - GV nêu: “5 chấm tròn thêm 2 chấm tròn là 7 chấm tròn,5 thêm 2 là 7” .  - Gọi vài HS nêu lại: “5 thêm 2 là 7”  - GV vừa nêu 5 thêm 2 là 7 vừa HD cách viết và viết mẫu lên bảng 5 + 2= 7  *Đọc là: năm cộng hai bằng bảy”*  - GV gọi HS đọc phép tính 5+2 = 7.  🡪 GV KL: Muốn biết tất cả có mấy chấm tròn ta đếm tất cả các chấm tròn. Nhưng có cách khác nhanh hơn đó là “đếm thêm” bắt đầu từ 5 (5 chấm tròn màu đỏ) 5, 6, 7. Vậy tất cả có 7 chấm tròn.  - GV gọi HS lên bảng viết 5 + 2 = 7 và đọc phép tính.  - YC HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi “năm cộng hai bằng mấy?”  \* GV nêu thêm tình huống tương tự để hình thành phép cộng và tìm phép cộng bằng cách *đếm thêm* (phép tính 4+4) | - HS nhắc lại tên bài  - HS quan sát  - HS tự nêu bài toán dựa theo hình ảnh trong tranh biểu thị.  + Lúc đầu trong bình có 5 bông hoa.  + Bạn Mai cắm thêm 2 bông hoa nữa.  + Trong bình có tất cả 7 bông hoa  + 5 bông hoa thêm 2 bông hoa được 7 bông hoa.  + Có tất cả 7 bông hoa.  - HS nêu lại.  - HS thao tác trên đồ dùng: lấy 5 chấm tròn đỏ thêm 2 chấm tròn xanh.  - 3 chấm tròn và 2 chấm tròn là 5 chấm tròn.  - HS lắng nghe  - Vài HS nêu  - HS quan sát  - 2,3 HS đọc phép tính  - 1 HS viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con  - HS đọc (CN, ĐT) |
| **3. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **Bài 1: Số?**  - Gọi HS đọc đề bài.  - GV hướng dẫn HS quan sát, mô tả nội dung từng hình thực hiện đếm thêm để tìm kết quả phép tính.  a) + Có mấy con cá trong bình?  + Bạn Nam đổ thêm vào bình mấy con cá nữa?  + Chúng ta có phép tính 6 + 1  + YC HS thực hiện cách đếm thêm để biết tất cả có bao nhiêu con cá rồi ghi phép tính và kết quả vào bảng con. Yêu cầu HS giải thích vì sao con có kết quả đó.  *- GV theo dõi giúp đỡ những HS còn hạn chế*  + YC HS đọc lại phép tính.  - Làm tương tự với phép tính còn lại.  - GV ghi lại các phép tính khi HS đọc lên bảng. Sau khi chữa bài, GV cho HS đọc từng phép tính.  \*Lưu ý: Khi tìm kết quả phép cộng bằng cách đếm thêm, để nhanh có kết quả ta bắt đầu đếm từ số lớn trong phép cộng đó. Chẳng hạn, để tìm kết quả phép cộng 2 + 4 ta đếm thêm bắt đầu từ 4: 4, 5, 6 (đếm bắt đầu từ 2 sẽ phải đếm nhiều hơn: 2,3,4,5,6 và do đó dễ nhầm lẫn).  - Lấy thêm 2 ví dụ, yêu cầu HS làm vào bảng và nêu cách đếm thêm: 6 + 2 = ;  3 + 5 = .  Bài 2: Số?  - GV đọc và giải thích yêu cầu của đề bài  a)- Yêu cầu HS quan sát hình trên máy chiếu và nêu tình huống bài toán  - GV: đã có số 4 ở ô thứ nhất, chúng ta sẽ điền số bạn thêm vào ô trống thứ hai, sau đó chúng ta thực hiện đếm thêm để tìm ra số cần điền vào ô trống còn lại (4 + 2 = 6).  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2 để viết số thích hợp vào ô trống.  *GV theo dõi giúp đỡ những nhóm còn hạn chế*  - Gọi đại diện nhóm nêu phép tính tương ứng  - GV đánh giá- nhận xét  b) - Yêu cầu HS quan sát hình trên máy chiếu và nêu tình huống bài toán  - Gv: tương tự như câu a,viết số bạn nam mới thêm vào vào ô trống thứ nhất sau đó đếm thêm để tìm ra số cần điền vào ô trống còn lại.  (3 + 3 = 6).  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 2 để viết số thích hợp vào ô trống.  *GV theo dõi giúp đỡ những nhóm còn hạn chế*  - Gọi đại diện nhóm nêu phép tính tương ứng  - GV đánh giá- nhận xét  - Gọi HS đọc lại hai phép tính vừa viết.  Lưu ý cách viết phép tính cộng. | - HS đọc đề bài.  - HS quan sát, mô tả nội dung từng hình thực hiện đếm thêm để tìm kết quả phép tính.  + Có 6 con cá trong bình  + Thêm 1 con cá  6 + 1 = 7  + Bắt đầu đếm thêm từ số 6. Ta đếm 6,7 vậy kết quả là 7.  - 2 HS đọc lại, cả lớp đồng thanh: 6 + 1 = 7  - HS đọc lại các phép tính:  6 + 1= 7  4 + 3 = 7  - HS lắng nghe  - HS thực hiện vào bảng con và nêu cách đếm thêm:  6 + 2 = 8 (đếm thêm từ 6: 6,7,8)  3+ 5= 8 (đếm thêm từ 5: 5,6,7,8)  - HS nêu: Có 4 bạn đang chơi ở cầu trượt, có thêm 2 bạn đến chơi cùng. Hỏi có tất cả mấy bạn chơi cầu trượt?  - HS lắng nghe hướng dẫn  - HS thảo luận làm vào phiếu bài tập  - Đại diện nhóm trình bày – nhóm khác nhận xét  - HS nêu: Có 3 bạn nữ chơi nhảy dây, sau đó thêm 3 bạn nam đến chơi cùng . Hỏi có tất cả mấy bạn chơi nhảy dây?  - HS thảo luận làm vào phiếu bài tập  - Đại diện nhóm trình bày – nhóm khác nhận xét  - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **4. Hoạt động Vận dụng:**  **.** Chơi trò chơi  Bài 3  MT: Củng cố và hình thành các phép cộng trong phạm vi 10. HS sử dụng đếm thêm để tìm kết quả phép tính.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Cuộc đua kì thú”.  - GV nêu cách chơi và luật chơi: Trò chơi gồm 2 đội. Mỗi đội gồm 5 thành viên, mỗi thành viên lần lượt lên và ghi kết quả 2 phép tính theo thứ tự. Đội nào ghi đến được phép tính cuối cùng và về đích trước thì đội đó giành chiến thắng.  - GV tổng kết tuyên dương đội thắng cuộc. | - Chia thành 2 đội, cử đại diện mỗi đội 5 em  - HS tham gia chơi - HS còn lại cổ vũ |
| **5. Củng cố- dặn dò**  - GV cho HS đọc lại các phép tính trên bảng.  - Liên hệ: Yêu câu HS cộng số bông hoa hướng dương/ chong chóng ở hàng trên với số bông hoa/ chong chóng ở hàng dưới trang trí trên cửa sổ.  - NX chung giờ học- dặn dò về nhà ôn lại các phép cộng trong phạm vi 10. | - HS đọc  - HS thực hiện phép tính cộng:  + hoa: 5+5= 10  + chong chóng: 3+3=6  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

*Thứ ba ngày 7 tháng 11 năm 2023*

**Tiếng Việt**

**Bài 42: ao eo**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức :**

- HS nhận biết và đọc đúng các vần *au, âu, êu ;*đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *au, âu, êu* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- HS viết đúng các vần *au, âu, êu* ; viết đúng các tiếng, từ có vần *au, âu, êu.*

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

Giao tiếp và hợp tác: HS phát triển kĩ năng nói lời Xin phép cô khi ra, vào lớp.

**b. Năng lực đặc thù:**

Năng lực ngôn ngữ:

**-** Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh họa qua bức tranh về phong cảnh nông thôn.

**3. Phẩm chất:**

Yêu nước : HS biết yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp của phong cảnh làng quê.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của các vần ao, eo; cấu tạo và cách viết các vần ao, eo; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách gìải thích nghĩa của những từ ngữ này.

- Chim chào mào: loài chim nhỏ, có gìọng hót hay và ngoại hình đẹp: lưng xám, ngực trắng có điểm những mảng lông đỏ, đầu có mào.

- Chim sáo: loài chim nhỏ, thích sống thành đàn, gìọng hót hay, đa dạng và có khả năng bắt chước được các âm thanh khác.

- Chim ri: loài chim có hình dáng nhỏ hơn chim sẻ, nhiều màu sắc khác nhau, không sống thành đàn mà thành từng đôi.

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng ui,ưi  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi  + Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại cầu nhận biết một số lần: Ao thu/ lạnh lẽo nước trong veo.  - GV gìới thiệu các vần mới ao, eo, Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  - Đọc vần ao  **+ Đánh vần**  • GV đánh vần mẫu ao.  • Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đánh vần.  • Lớp đánh vần đồng thanh một lần.  **+ Đọc trơn vần**  • GV yêu cầu một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.  - GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh một lần.  **+ Ghép chữ cái tạo vần**  • HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần GV yêu cầu HS nêu cách ghép.  - Đọc vần eo  Quy trình tương tự ao  **+So sánh các vần**  + GV yêu cầu HS tìm điểm gìống nhau, khác nhau gìữa các vần ao, eo trong bài.  + GV yêu cầu HS nêu lại các vần vừa học.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV gìới thiệu mô hình tiếng mẫu lēo (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng lẽo.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng mẫu lẽo (lờ- eo -leo –ngã- lẽo). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đọc tiếng chứa vần ao  • GV đưa các tiếng chứa vần thứ nhất, yêu cầu HS tìm điểm chung cùng chứa vần thứ nhất dao, chào, sáo.  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng cùng vần.  • Đọc trơn các tiếng cùng vần,  + Đọc tiếng chứa vần eo  Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa vần ao**.**  - GV yêu cầu đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học: Một số (3 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 - 4 tiếng cả hai nhóm vần.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc tất cả các tiếng.  -**Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần đang học ao, eo.  + GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trong đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: ngôi sao, quả táo, cái kẹo, ao bèo.  -Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ngôi sao, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.  - GV cho từ ngữ ngôi sao xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần ao trong ngôi sao, phân tích và đánh vần tiếng sao, đọc trơn từ ngữ ngôi sao.  -GV thực hiện các bước tương tự đối với quả táo, cái kẹo, ao bèo.  - GV yêu cầu HS tìm từ ngữ mới có vần ao hoặc eo.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3- 4 lượt HS đọc. 2- 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần ao, eo.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần ao, eo.  - HS viết vào bảng con: ao, eo và sao, bèo (chữ cỡ vừa).  - HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -HS : ao nước, cái cầu, chiếc thuyền,….  -HS nói  - HS đọc Ao thu/ lạnh lẽo nước trong veo.  Từng cụm từ theo GV  - HS lắng nghe và quan sát  - HS lắng nghe  - HS đánh vần nối tiếp  - Lớp đánh vần đồng thanh một lần.  - HS đọc trơn vần nối tiếp  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS ghép ao, nêu cách ghép  - HS nhận xét  - HS giống nhau đều có âm o đứng sau, khác nhâu là âm a và âm e  - HS nêu: ao, eo  - HS lắng nghe  - HS: ghép tiếng lẽo  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng lẽo  - HS đọc trơn tiếng lẽo . Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng lẽo.  - HS tìm: các vần đó đều có chứa vần ao  - HS đánh vần cá nhân, lớp đánh vần các tiếng (*dao, chào, sáo).*  - HS đọc cá nhân, cả lớp đồng thanh các tiếng đó.  - HS đọc trơn 4 tiếng cả 2 vần ( 4 lượt)    - HS đọc cá nhân, cả lớp tất cả các tiếng chứa cả hai vần.  - HS tự tạo: *cào, cháo, đào, kéo, đeo, veo,…*  -HS phân tích  -HS nêu cách ghép  - Lớp đọc trơn đồng thanh các tiếng đã được chonj  -HS lắng nghe, quan sát  - HS nói  - HS : *ngôi sao,*  - HS: phân tích đánh vần tiếng sao, đọc trơn từ ngôi sao  -HS thực hiện  -HS tìm: *quả đào, áo tím, cái chảo, su hào, leo trèo, khéo tay, tí tẹo, ….*  - HS đọc cá nhân nối tiếp các từ dưới tranh, cả lớp đồng thanh  - HS đọc lại các tiếng , các từ ngữ ở phần Đọc  - HS quan sát  - HS quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách gìữa các chữ trên một dòng).lần lượt  -HS nhận xét  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.4. Viết vở**  - HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần ao, eo; từ ngữ ngôi sao, ao bèo.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **2.5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn; tìm tiếng có các vần ao, eo.  - GV yêu cầu một số (4 -5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần ao, eo trong đoạn vần một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng cầu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đoạn vần đã đọc:  + Đàn chào mào làm gì?  + Mấy chú sáo đen làm gì?  + Chú chim ri làm gì?  + Em thích chú chim nào? Vì sao?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.6.. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS và nói về bạn nhỏ trong tranh (Bạn nhỏ trong tranh đang chăm chỉ làm gì? Các em có chăm chỉ không?).  - GV có thể mở rộng gìúp HS có ý thức chăm chỉ, cần cù học tập.  **3. Củng cố**  - HS tìm một số từ ngữ chứa vần ao, eo và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần ao, eo và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | -HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm :*cao, chào, sáo, khéo léo.*  - HS đọc trơn cá tiếng vừa tìm được trong đoạn văn, cả lớp đồng thanh  - HS xác định: 4 câu  - HS đọc nối tiếp câu ( 2 lượt), cả lớp đồng thanh.  - HS: đọc cả đoạn (3em)  - HS : đàn chào mào bay đi bay lại.  - HS : mấy chú sáo đen vui ca véo von.  - HS : chú chim ri chăm chỉ.  - HS : Em thích chú chim ri vì chú chăm chỉ.  - HS quan sát  - HS: bạn nhỏ trong tranh đang chăm chỉ học bài.  - HS: Em rất chăm chỉ học tập  - HS lắng nghe  - HS tìm: leo trèo, chim sáo, cháo,…  - HS đặt câu: chú khỉ leo trèo trên cây  - HS: chim sáo hót hay.  - HS: mẹ nấu cháo cho em.  -HS lắng nghe |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tự nhiên và xã hội**  **Chủ đề 2: TRƯỜNG HỌC**  **Bài 8: Cùng vui ở trường (tiết 2)**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1. Kiến thức:**  + Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học . + Nói được tên địa chỉ trường mình  + Xác định vị trí các phòng chức năng, một số khu vực khác nhau của nhà trường  + Nêu được những hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ ở trường, nhận biết được những trò chơi an toàn, không an toàn cho bản thân và mọi người.  **2. Năng lực:**  **a.Năng lực chung:**  - Tự chủ và tự học:HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình**.**  - Giao tiếp và hợp tác: Biết giao tiếp, ứng xử phù hợp với vị trí, vai trò và các mối quan hệ của bản thân với các thành viên trong trường .  **b. Năng lực đặc thù:**  **Năng lực nhận thức khoa học:**  + Kể được những hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ ở trường, nhận biết được những trò chơi an toàn, không an toàn cho bản thân và mọi người.  **- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**  + Học sinh đặt được một số câu hỏi tìm hiểu về trường học, các thành viên và hoạt động trường học, các thành viên và hoạt động trường học.  + Học sinh quan sát tranh ( SGK) trình bày ý kiến của mình về trường học, hoạt động trường học.  **Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:**  + Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học .  + Lựa chọn chơi những trò chơi an toàn khi ở trường.  - Kể được những hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ ở trường, nhận biết được những trò chơi an toàn, không an toàn cho bản thân và mọi người.  - Biết lựa chọn những trò chơi an toàn khi vui chơi ở trường và nói được cảm nhận của bản thân khi tham gia trò chơi.  - Có kĩ năng bảo vệ bản thân và nhắc nhở các bạn cùng vui chơi an toàn.  Nhận biết được những việc nên làm và không nên làm để giữ gìn trường lớp sạch đẹp.  - Có Ý thức và làm được một số việc phù hợp giữ gìn trường lớp sạch đẹp và nhắc nhở các bạn cùng thực hiện.  **3. Phẩm chất :**  - Chăm chỉ: Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của trường học . Kính trọng thầy cô giáo và các thành viên trong nhà trường  - Trách nhiệm: Lựa chọn chơi những trò chơi an toàn khi ở trường.  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  -Tranh ảnh, máy tính  - Sách giáo khoa, vở, bảng con  **III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**  **Tiết 2**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - GV đặt câu hỏi cho HS:  + Các em có yêu quý lớp học, trường học của mình không?  + Yêu quý lớp học thì các em phải làm gì?  - GV khái quát đó là những việc làm để giữ lớp học, trường học sạch đẹp và dẫn dắt vào tiết học mới.  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Hoạt động khám phá**  - GV tổ chức cho HS quan sát hình trong SGK, thảo luận theo câu hỏi gợi ý:  + Các bạn đang làm gì? Nên hay không nên làm việc đó, vì sao?  + Những việc làm đó mang lại tác dụng gì?  -Từ đó, HS nhận biết được những việc nên làm để giữ gìn trường lớp sạch đẹp (úp cốc uống nước để giữ vệ sinh; chăm sóc bồn hoa, cây cảnh, …)  - Khuyến khích HS kể những việc làm khác của mình để giữ gìn trường lớp sạch đẹp.  - GV kết luận: Nhưng việc làm tuy nhỏ nhưng thể hiện các em có ý thức tốt và góp phần giữ gìn trường lớp sạch đẹp, vì vậy các em cần phát huy.  Yêu cầu cần đạt: HS biết được những việc nên làm và tác dụng của những việc làm đó để giữ gìn trường lớp sạch đẹp.  **3. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  - GV hướng dẫn HS quan sát, thảo luận theo yêu cầu gợi ý:  + Trong từng hình, các bạn đã làm gì?  + Nên hay không nên làm việc đó? Vì sao?,…).  -Từ đó HS nhận biết được những việc nên làm và không nên làm để giữ gìn trường lớp sạch đẹp  - GV gọi một số HS lên bảng kể về những việc mình đã làm ( làm một mình hoặc tham gia cùng các bạn) để giữ gìn trường lớp sạch đẹp.  - GV và các bạn động viên.  Yêu cầu cần đạt: Có ý thức giữ gìn vệ sinh trường lớp và nhắc nhở các bạn cùng thực hiện.  **4. Hoạt động Vận dụng:**  Xây dựng kế hoạch và thực hiện vệ sinh., trang trí lớp học  - GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch vệ sinh và trang trí lớp học (địa điểm trang trí, cách trang trí, vệ sinh lớp học, …)  - Phân công công việc cho từng nhóm thực hiện.  Yêu cầu cần đạt: thực hiện được kế hoạch vệ sinh và trang trí lớp học.  **5. Đánh giá**  - HS tự giác thực hiện các hoạt động để giữ gìn trường lớp sạch đẹp  - Định hướng phát triển năng lực, phẩm chất: GV tổ chức cho HS thảo luận về nội dung hình tổng kết cuối bài, và đưa ra một số tình huống khác để HS tự đề xuất cách xử lí từ đó phát triển kĩ năng ứng xử trong các tình huống khác nhau.  **6. Hướng dẫn về nhà**  Kể với bố mẹ, anh chị những việc đã tham gia để lớp học sạch đẹp.  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | + Em rất yêu quý trường lớp của em.  +Yêu quý lớp học là em phải giữ gìn vệ sinh trường lớp.  - HS lắng nghe  - HS quan sát hình ảnh trong SGK  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Đại diện nhóm trình bày  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS quan sát và thảo luận theo gợi ý  - Đại diện nhóm trình bày  - HS lên bảng chia sẻ  - HS lắng nghe, góp ý  - HS thực hiện xây dựng kế hoạch  - HS làm việc theo nhóm  - HS lắng nghe  - HS thảo luận và trình bày  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện  - HS kể |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**   |  | | --- | |  | |  | |  |   *Thứ tư ngày 8 tháng 11 năm 2023*  **Tiếng Việt**  **Bài 43: au âu êu**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1. Kiến thức:**  - HS nhận biết và đọc đúng các vần *iu, ưu ;*đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *iu, ưu* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.  - HS viết đúng các vần *iu, ưu* ; viết đúng các tiếng, vần *iu, ưu.*  **2. Năng lực:**  **a. Năng lực chung:**  Tự học và tự chủ: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  **b. Năng lực đặc thù:**  Năng lực ngôn ngữ:  - HS nhận biết và đọc đúng các vần *iu, ưu ;*đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *iu, ưu* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.  - HS viết đúng các vần *iu, ưu* ; viết đúng các tiếng, vần *iu, ưu.*  - Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần *iu, ưu* có trong bài học.  - HS phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vât và suy đoán nội dung qua các tranh minh họa Bà em.  **3. Phẩm chất:**  Nhân ái: HS cảm nhận được tình yêu của ông bà đối với gia đình và các cháu thông qua đoạn đọc trong bài.  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  - Cảm nhận được vẻ đẹp làng quê, tình cảm gìa đình.  - Nắm vững đặc điểm phát âm của các van au, âu, êu; cấu tạo, quy trình và cách viết các chữ au, ấu, ; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách gìải thích nghĩa của những từ ngữ này.  - Chú tễu: là một trong những nhân vật rối tiêu biểu trong sân khấu kịch rối nước truyền thống của Việt Nam.  **III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**  **TIẾT 1**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng ao,eo  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1 Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi :  + Em thấy gì trong tranh?  -GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cấu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Đàn sẻ nâu/ kêu ríu rít ở sau nhà.  - GV gìới thiệu các vần mới au, âu, âu. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV gìới thiệu vần au, âu, âu.  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh vần au, âu với êu để tìm ra điểm gìống và khác nhau.  + GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần au, âu, âu.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - Đọc trơn các vần  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần au.  + GV yêu cầu HS tháo chữ a, ghép â vào để tạo thành âu.  + GV yêu cầu HS tháo chữ â, ghép ê vào để tạo thành êu.  + GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh au, âu, êu một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV gìới thiệu mô hình tiếng sau. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng sau.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng sau. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *sau*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng sau. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng sau.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nói tiếp nhau, hai lượt. Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần au, âu hoặc êu. GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: rau củ, con trâu, chú tễu.  - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn con trâu, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ con trâu xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần âu trong con trâu, phân tích và đánh vần tiếng trâu, đọc trơn từ ngữ con trâu.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với rau củ, chú tễu.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2-3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu viết các vần au, âu, âu. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần au, âu, ê.  - HS viết vào bảng con: au, âu, êu và rau, trâu, tễu (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần âu và êu  - HS nhận xét bài của bạn.  -GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -HS chơi  -HS viết  -HS : vườn rau, đàn chim sẻ,…  -HS lắng nghe  - HS đọc Đàn sẻ nâu/ kêu ríu rít ở sau nhà.  Theo GV  -Hs lắng nghe và quan sát  -HS lắng nghe  - HS : vần au, âu, êu giống nhau đều có u đứng sau, khác nhau các âm, a,â,e đứng trước.  - HS lắng nghe  -Hs lắng nghe, quan sát  -HS đánh vần nối tiếp , mỗi em cả 3 vần  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc: nối tiếp, mỗi em cả 3 vần  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS ghép vần au, nhận xét  -HS tháo chữ a, ghép â vào để tạo thành âu, nhận xét  - HS tháo chữ â, ghép ê vào để tạo thành êu, nhận xét  -HS đọc cả lớp đồng thanh.  -HS lắng nghe  - HS nhận biết và đọc : *sau*  -HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *sau*  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  -HS đánh vần nối tiếp các tiếng: *cau, tàu, bậu, gấu, khều, rêu.* ( 2 lượt)  - Cả lớp đánh vần một lần  - HS đọc trơn nối các tiếng đó ( 2 lượt)  - Lớp đồng thanh  -HS tự tạo: *sáu, nấu, bầu, kêu, câu, …*  - HS: phân tích, nêu lại cách ghép  -HS đọc các tiếng vừa ghép được.  -HS lắng nghe, quan sát  -HS nói: *con trâu*  - HS phân tích đanh vần tiếng trâu, đọc trơn từ con trâu.  -HS nhận biết và thực hiện tương tự.  - HS đọc nối tiếp, mỗi em 1 từ các từ dưới tranh (3 lượt), cả lớp đồng thanh .  - HS đọc từng dãy các tiếng, từ ngữ trong phần Đọc, cả lớp đồng thanh một lần.  -HS quan sát  -HS viết bảng con lần lượt.  -HS nhận xét  -HS lắng nghe |   **TIẾT 2**   |  |  | | --- | --- | | **2.4. Viết vở**  - HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần au, âu, êu; từ ngữ con trâu, chú tễu,  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **2.5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần au, âu, êu.  - GV yêu cầu một số (4- 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rối cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần au, âu, êu trong đoạn vần một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn vần. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  + Nhà dì Tư ở quê có những gì?  + Gần nhà dì có cái gì? Phía xa xa có gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Các em nhìn thấy những ai trong bức tranh thứ nhất?  + Nam đang làm gì?  + Nam sẽ nói thế nào khi muốn xin phép cô ra ngoài?  + Các em nhìn thấy những ai trong bức tranh thứ hai?  + Hà nói gì với cô gìáo khi vào lớp ?  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS thực hành xin phép khi ra vào lớp.  - GV có thể mở rộng gìúp HS có ý thức về việc xin phép thầy cô gìáo khi ra vào lớp.  **3. Củng cố**  - HS tìm một số từ ngữ có vần au, âu, êu và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần au, âu, êu và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | -HS viết vở lần lượt  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm :*cau, trầu, rau, hấu, cầu*.  - HS đọc cá nhân , cả lớp đồng thanh một lần.  - HS xác định; 4 câu  -HS đọc nối tiếp câu ( 2 lượt), cả lớp đồng thanh 1 lần.  - HS đọc cá nhân cả đoạn ( 3 lượt)  - HS : nhà dì tư ở quê có cây cau, giàn bầu. Sau nhà có rau cải, rau dền và cả dưa hấu.  - HS : Gần nhà dì có cây cầu tre nhỏ. Xa xa là dãy núi cao.  - HS : cô giáo và các bạn HS  - HS : Nam xin phép cô gìáo ra ngoài.  - HS : Thưa cô cho em ra ngoài lớp ạ  - HS : cô giáo và các bạn trong lớp, Hà đứng ở cửa lớp.  - HS : Hà xin phép cô gìáo khi vào lớp  - HS thực hiện  -HS lắng nghe  - HS tự tìm: *đậu đỏ, câu cá, số sáu, ..*.  - HS đặt câu: Mẹ nấu chè đậu đỏ.  - HS: Ông câu cá ở bờ ao.  - HS: Bé tô số sáu.  -HS lắng nghe |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**   |  | | --- | |  | |  | |  |   **TOÁN**  **Bài 10 : PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 ( 6 tiết)**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1. Kiến thức:**  + Nêu được các phép cộng có kết quả bằng 6.  +Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  + Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của | bài toán.  + Hình thành các phép cộng có kết quả bằng 6.  +Củng cố phép cộng trong phạm vi 6.  +Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  **2. Năng lực :**  **a. Năng lực chung:**  - Năng lực tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình**.**  - Năng lực giao tiếp : Biết trao đổi giúp đỡ nhau viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  -Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của |  **b. Năng lực đặc thù:**  - Năng lực tư duy và lập luận:  + Nêu được các phép cộng có kết quả bằng 6.  +Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  + Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của | bài toán.  + Hình thành các phép cộng có kết quả bằng 6.  +Củng cố phép cộng trong phạm vi 6.  +Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  **3. Phẩm chất :**  Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  - Tranh ảnh, máy tính  - Sách vở, bảng con ,  **III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**  **Tiết 4**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - Ổn định tổ chức  Yêu cầu làm bảng con  Gv nhận xét  - Giới thiệu bài | * Hát   6 + 1 = 7  8 + 2 = 10 | | **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1. Khám phá: Số 0 trong phép cộng**  - GV cho HS quan sát hình trong SGK, nêu bài toán rồi trả lời:  a) Đĩa thứ nhất có 4 quả cam, đĩa thứ hai có 0 quả cam. Hỏi cả hai đĩa có mấy quả cam?  - GV viết phép tính lên bảng 4 + 0 = 4  - Yêu cầu HS đọc phép tính.  b) GV hướng dẫn tương tự như câu a  - GV nêu phép cộng 0 + 2 = 2  GV: Một số cộng với 0 bằng chính số đó | - HS quan sát  - HS trả lời  Có 4 quả cam  - HS đọc phép tính   1. + 0 = 4   - HS nhắc lại | | **2.2. Hoạt động:** |  | | **Bài 1: Tính nhẩm**  **-** GV nêu yêu cầu bài tập  - Yêu cầu HS tính nhẩm  - GV cùng HS nhận xét  - Yêu cầu HS đọc lại từng phép tính  Gv củng cố : Một số cộng với 0, 0 cộng với một số. | * HS tính nhẩm * làm vàovở * HS nhận xét | | **Bài 2: Số ?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - HD HS thực hiện phép cộng  - HS thực hiện – GV cùng HS nhận xét | - HS thực hiện phép cộng     * HS nhận xét | | **Bài 3:**  **-**GV nêu cầu bài tập  - Cho HS quan sát hình vẽ, nêu tình huống bài toán tương ứng  -Yêu cầu HS tìm số thích hợp  \_ GV cùng HS nhận xét | * HS quan sát tranh, nêu tình huống * HS viết bảng con; 5 + 0 = 5      * HS nhận xét | | **Bài 4: Tìm chuồng cho thỏ**  **-** GV nêu yêu cầu bài tập  -Yêu cầu HS dùng que tính để tính tìm kết quả  - Yêu cầu HS tìm ngôi nhà ứng với phép tính đó  - GV cùng HS nhận xét | * HS dùng que tính để tính * HS nối kết quả * Nhận xét | | **3.Củng cố, dặn dò**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? |  |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**   |  | | --- | |  | |  | |  |   *Thứ năm ngày 9 tháng 11 năm 2023*  **Đạo đức**  **Chủ đề 3**:**QUAN TÂM, CHĂM SÓC NGƯỜI THÂN TRONG GIA ĐÌNH**  **Bài: THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIỮA KÌ**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1.Năng lực:**  - Được củng cố, mở rộng hiểu biết về các chuẩn mực thực hiện nội quy trường, lớp; sinh hoạt nền nếp; tự chăm sóc bản thân; tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình. - Hành vi thực hiện nội quy; sinh hoạt nền nếp; tự chăm sóc bản thân; tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình.  **2.Phẩm chất :**  - Chăm chỉ: - trách nhiệm, nhân ái, trung thực,…  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  **GV: -** SGK, SGV, vở bài tập đạo đức 1  - SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 1;   * Tranh ảnh, truyện, hình dán mặt cười– mặt mếuMáytính, bài giảng PP (nếu có điều kiện)   **HS:** SGK, vở bài tập đạo đức 1  **III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  ***Hoạt động tập thể - hát bài "Lớp chúng ta đoàn kết”***  - GV cho HS nghe và cùng hát - GV đặt câu hỏi:  -GV nêu:  Lớp chúng mình vui như thế nào? Em thích những điều gì ở lớp mình? GV dẫn dắt vào bài học, có thể nói về một số thay đổi ở HS trong lớp.  **3. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **Hoạt động 1**: Cuộc thi “Rung chuông vàng” **Mục tiêu:** - HS được củng cố hiểu biết về các chuẩn mực đã học: tự chăm sóc bản thân; yêu thương gia đình; quan tâm chăm sóc người thân trong gia đình. - HS được phát triển năng lực tư duy và hợp tác.  **Cách tiến hành:** GV tuyên bố cuộc thi “Rung chuông vàng”, thông báo luật chơi. Luật chơi như sau:  GV đưa câu đố và ba đáp án a, b, c. HS viết đáp án đúng lên bảng đen của mình (viết chữ cái) trong một khoảng thời gian nhất định. Ai viết sai sẽ bị loại khỏi cuộc chơi. Người còn lại cuối cùng là người chiến thắng.  GV có thể sứ dụng máy tính, thẻ chữ,. . . tùy theo điều kiện cụ thể.  HS ngồi vào vị trí, chuẩn bị sẵn bảng con, phấn và giẻ lau. **Câu 1**. Việc cần làm để giữ sạch đôi tay? a. Rửa tay sạch sẽ.  b.Dùng tay ngoáy mũi. c. Lau tay bẩn lên quần áo.  **Câu 2.**Hành vi nào là không nên làm? a. Nói chuyện riêng với bạn trong giờ học. b. Tự giác cắt móng tay khi móng tay dài. c. Đi học đúng giờ. **Câu 3**. Hành vi nào thế hiện tình cảm yêu thương gia đình? a, Tranh giành đồ chơi với em. b. Quét nhà giúp bố mẹ khi ở nhà. c. Không làm giúp khi bố mẹ nhờ. **Câu 4**. Các việc cần làm khi bị ốm là gì? a. Thông báo cho người lớn về tình hình sức khoẻ không tốt. b. Nghỉ ngơi, uống thuốc theo hướng dẫn của người lớn và cán bộ y tế. c. Cả A và B. **Câu 5**. Hà đang ngồi xem một bộ phim rất hay mà em thích. Mẹ nhờ Hà trông em bé để mẹ nấu cơm. Hà nên làm gì? a. Hà từ chối, không trông em. b. Hà trông em nhưng cáu kỉnh, khó chịu với em bé. c. Hà vui vẻ đáp: “Mẹ cứ yên tâm, con sẽ trông em và vui vẻ chơi với em”. Câu  **Câu 7**. Những dụng cụ nào là cần thiết để giúp em luôn sạch sẽ? a. Lược, khăn mặt. b. Bấm móng tay, bàn chải và kem đánh răng. c. Cả A và B. GV tổng kết kết quả cuộc thi, vinh danh cảc trạng nguyên trong cuộc thi“Rung chuông vàng”. Lưu ý: GV có thể thay đổi, bổ sung hay điều chinh nội dung các câu trắc nghiệm khách quan tùy theo tình hình cụ thể. **Hoạt động 2**: Tuyên dương những ngôi sao sáng **Mục tiêu:** - HS tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện tự chăm sóc bản thân; tụ giác làm việc của mình và yêu thương gia đình; quan tâm chăm sóc người thân trong gia đình. - HS được phát triến năng lực tư duy phê phán và năng lực giao tiếp. **Cách tiến hành:** - GV giao nhiệm vụ cho HS: Đếm các viên sỏi/bông hoa. . . trong các “Giỏ việc tốt”, “Giỏ yêu thương”. Cứ 7 viên sỏi/bông hoa được quy đổi thành một ngôi sao. - HS tự đánh giá kết quả thực hiện tự chăm sóc bản thân, tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình, đếm số sỏi/hoa,. . . đã được nhận, quy đổi thành sao. GV lập mô hình “Những ngôi sao sáng” và đề nghị HS xếp thẻ sao của mình trên mô hình “Ngôi sao sáng”. Bạn nào càng có nhiều sao thì càng được xếp trên cao.  **Tổng kết bài học** - Mồi HS nói một câu hoặc thể hiện hành vi cam kết thực hiện tốt những chuẩn mực đã học. GV có thể cho HS viết vào giấy “Lá thư gửi tương lai”, sau đó lưu lại để đọc vào cuối năm học lớp 1. | -HS hát  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS đại nhóm trình bày kết quả.  - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.    - HS trả lời  - HS lắng nghe  a. Rửa tay sạch sẽ.  - HS lắng nghe   a. Nói chuyện riêng với bạn trong giờ học.     b. Quét nhà giúp bố mẹ khi ở nhà.      c. Cả A và B.  - HS tự liên hệ bản thân kể ra.       c. Hà vui vẻ đáp: “Mẹ cứ yên tâm, con sẽ trông em và vui vẻ chơi với em”.  c. Cả A và B.  - HS viết tên và số sao đã đạt được trên giấy hình ngôi sao.  - Cả lớp tham quan mô hình ngôi sao. Những bạn có nhiều sao chia sẻ cảm xúc và trải nghiệm khi thực hiện các hành vi trên. - Một số HS đóng vai “Phóng viên” phỏng vấn những bạn đứng vị trí tốp 5 theo những câu hỏi gợi ý sau: - Bạn có cảm tưởng như thế nào khi được xếp ở vị trí cao, là những ngôi sao sáng nhất? - Bạn có lời khuyên nào hoặc chia sẻ bí kíp thực hiện tốt nhiệm vụ với các bạn trong lớp? - Các bạn khác chúc mừng những ngôi sao sáng nhất. GV khen ngợi HS đã có nhiều cố gắng thực hiện tự chăm sóc bản thân; tự giác làm việc của mình và yêu thương gia đình; quan tâm chăm sóc người thân trong gia đình. |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**   |  | | --- | |  | |  | |  |   **Tiếng Việt**  **Bài 44: iu ưu**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1. Kiến thức:**  - HS nhận biết và đọc đúng các vần *iu, ưu ;*đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *iu, ưu* ; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.  - HS viết đúng các vần *iu, ưu* ; viết đúng các tiếng, vần *iu, ưu.*  **2. Năng lực:**  **a. Năng lực chung:**  Tự học và tự chủ: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  **b. Năng lực đặc thù:**  Năng lực ngôn ngữ:  - Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần *iu, ưu* có trong bài học.  - HS phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vât và suy đoán nội dung qua các tranh minh họa Bà em.  **3. Phẩm chất:**  Nhân ái: HS cảm nhận được tình yêu của ông bà đối với gia đình và các cháu thông qua đoạn đọc trong bài.  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  - Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo và cách viết các vần iu, ưu; hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách gìải thích nghĩa của những từ ngữ này.  **III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**  **TIẾT 1**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**- HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng au, âu, êu  **2. Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  **2.1 Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi  + Em thấy gì trong tranh?  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bà đã nghỉ hưu mà luôn bận bịu.  - GV gìới thiệu các vần mới iu, ưu. Viết tên bài lên bảng.  **2.2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- Đọc vần iu**  **+ Đánh vần**  • GV đánh vần mẫu iu.  • GV yêu cầu một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đánh vần.  • Lớp đánh vần đồng thanh một lần.  **+ Đọc trơn vần**  • GV yêu cầu một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.  • Lớp đọc trơn đồng thanh một lần.  **+ Ghép chữ cái tạo vần**  • HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần iu  • GV yêu cầu HS nêu cách ghép.  - Đọc vần ưu Quy trình tương tự đọc vần iu.  **- So sánh các vần:**  - GV yêu cầu HS tìm điểm gìống nhau, khác nhau gìữa các vần iu, ưu trong bài.  + GV yêu cầu HS nêu lại các vần vừa học.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV gìới thiệu mô hình tiếng mẫu hưu (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng hưu.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng mẫu hưu Lớp đánh vần đồng thanh tiếng hưu.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  **- Đọc tiếng trong SHS**  **+ Đọc tiếng chứa vần iu**  • GV đưa các tiếng chứa vần iu, yêu cầu HS tìm điểm chung.  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng cùng vần iu.  • Đọc trơn các tiếng cùng vần  **+ Đọc tiếng chứa vần ưu**  - Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa vần iu.  + Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3- 4 tiếng lẫn hai nhóm vần.  + GV yêu cầu một số (2 -3) HS đọc tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần đang học: iu, ưu.  + GV yêu cầu 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  - GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: cái rìu, cái địu, quả lựu, con cừu.  - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn cái rìu, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ cái riu xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần iu trong cái rìu, phân tích và đánh vần tiếng rìu, đọc trơn từ ngữ cái riu. GV thực hiện các bước tương tự đối với cái địu, quả lựu, con cừu.  - GV yêu cầu HS tìm từ ngữ mới có vần iu hoặc ưu.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc, 2- 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **2.3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần iu, u.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần ưu, iu.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: iu, ưu và rìu, lựu (chữ cỡ vừa).  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -HS trả lời: bà và bé, bà dạy bé học  -HS lắng nghe  - HS đọc :Bà đã nghỉ hưu /mà luôn bận bịu/  Theo GV  -HS lắng nghe và quan sát  -HS lắng nghe  -HS đánh nối tiếp vần iu  - Lớp đồng thanh đánh vần.  - HS nối tiếp đọc trơn vần iu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh vần iu  -HS tìm  -HS ghép vần iu, nêu cách ghép  -HS nêu; giống nhau cả 2 vần đều có âm đứng sau, khác nhau là âm i, âm ưu.  - HS nêu  -HS thực hiện và đoc hưu  -HS đánh vần ( hờ- ưu – hưu). Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn tiếng hưu . Lớp đọc trơn đồng thanh.  -HS tìm: các tiếng đều có chứa vần iu  -HS đánh vần, lớp đánh vần *( dịu, địu, xíu*)  - HS; thực hiện như iu  - HS1 đọc : dịu, địu, hưu, lựu  - HS2: địu xíu lưu, lựu  - HS3: xíu, hưu, lựu  -HS đọc cá nhân tất cả tiếng chứa cả 2 vần.  ( 3 em)  -HS tự tạo: *níu, xíu, đìu, cứu,…*  -HS phân tích  -HS nêu cách ghép  - Lớp đọc trơn đồng thanh các tiếng vừa ghép được chọn.  -HS lắng nghe, quan sát  -HS nói: cái rìu  - HS: phân tích đánh vần tiếng rìu, đọc trơn từ *cái rìu*  -HS nhận biết, thực hiện tương tự  -HS tìm: *đìu hiu, ngải cứu, hưu trí, dịu êm,..*  - HS đọc nối tiếp các từ dưới tranh ( 3 lượt)  - 3Hs đọc trơn tất cả, cả lớp đồng thanh.  - HS đọc theo dãy tất cả cá tiếng, các từ ngữ dưới tranh, lớp đồng thanh  -HS quan sát  - HS: lắng nghe  -HS viết bảng con lần lượt  - HS quan sát  -HS nhận xét  -HS lắng nghe |   **TIẾT 2**   |  |  | | --- | --- | | **2.4. Viết vở**  - HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần iu, ưu; từ ngữ cái rìu, quả lựu. GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **2.5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần iu, ưu.  - GV yêu cầu một số (4-5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần iu, êu trong đoạn vần một số lấn.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn vần đã đọc:  + Ngày ngày bà làm gì?  + Bà kể cho bé nghe những câu chuyện gì?  + Lời của bà thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Bà thường làm các công việc gì trong nhà?  + Bà gìúp em làm những việc gì?  + Em gìúp bà những việc gì?  + Tình cảm của em đối với bà như thế nào?  - GV yêu cầu một số (2- 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể đặt câu hỏi về ông bà và gìa đình.  **3. Củng cố**  - HS tìm một số từ ngữ chứa vần iu, ưu vừa học bằng trò chơi phù hợp.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần ưu, iu vừa học và thực hành gìao tiếp ở nhà. | -HS viết  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm : .*hưu, dịu*  - HS đọc cá nhân 2 tiếng đó.  - Lớp đồng thanh 2 tiếng đó.  - HS xác định: 4 câu  - HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 -2 lần  - Cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - HS: 3 HS đọc cả đoạn.  - HS : Ngày ngày, bà đi chợ, nấu ăn và chăm lo cho con cháu.  - HS : bà hay kể về ngày xưa  - HS : lời bà dịu êm.  - HS :Bà đi chợ mua thực phẩm, dọn dẹp nhà cửa.  - HS : đón em đi học về và gìúp em học bài  - HS : em gìúp bà nhặt rau, quét nhà  - HS : em rất yêu bà.  - HS kể về ông bà của mình  - HS tìm : bé xíu, ríu rít, ….  - HS đặt câu: Bàn tay của Na bé xíu.  - HS: Chim kêu ríu rít.  -HS lắng nghe |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**   |  | | --- | |  | |  | |  |   **TOÁN\***  **Luyện tập**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1.Kiến thức:**  + Cũng cố các phép cộng có kết quả bằng 6.  +Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  + Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của | bài toán.  **2. Năng lực :**  **a. Năng lực chung:**  - Năng lực tự chủ và tự học:  - Năng lực giao tiếp : Biết trao đổi giúp đỡ nhau viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của |  **b. Năng lực đặc thù:**  - Năng lực tư duy và lập luận:  + Nêu được các phép cộng có kết quả bằng 6.  +Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  + Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của | bài toán.  + Hình thành các phép cộng có kết quả bằng 6.  +Củng cố phép cộng trong phạm vi 6.  +Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  **3. Phẩm chất :**  Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  **- GV:** vở BTH Toán, tranh ảnh minh hoạ, 1 số đồ vật phục vụ cho trò chơi.  **- HS:** vở BTH Toán, bộ thực hành Toán, bút, bút màu…  **III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**   |  |  | | --- | --- | | **Giáo viên** | **Học sinh** | | **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - Cho cả lớp hát bài:  - GV giới thiệu bài:*Tiết học hôm nay, chúng ta cùng nhau củng cố lại cách thực hiện phép tính cộng trong phạm vi 10 và cách cộng một số với 0 qua bài học hôm nay.*  - Ghi bảng | - HS hát.  -HS lắng nghe.  -HS nhắc lại tựa bài. | | **2. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **Bài 1:** Số? (Vở / 31)  - GV nêu yêu cầu  - GV đưa tranh mẫu cô hỏi:  + Bên trái có mấy quả ớt?  + Bên phải có mấy quả ớt?  + Cả hai bên có mấy quả ớt?  + Thể hiện thành phép tính?  - GV nhận xét, tuyên dương  - Yêu cầu HS làm bài các bài còn lại vào vở BT.  - GV theo dõi, giúp đỡ những HS chậm/KT.  - GV chấm 1 số bài, nhận xét, tuyên dương.  -GV nhắc lại: *số nào cộng với 0 cũng bằng chính số đó, 0 cộng với số nào bằng chính số đó.*  **Bài 2:** Số?  - Gộp 5 con cá với 0 con cá được mấy con cá?  + Thể hiện thành phép tính?  - Giáo viên theo dõi ,nhận xét  **Bài 3:**Số?  -GV đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.  - GV theo dõi, giúp đỡ những HS chậm/ KT.  **Bài 4: Trò chơi: “Tiếp sức”**  **-**  Luật chơi: Mỗi học sinh nối tiếp lên nối 1 phép tính với kết quả của phép tính.Sau 2 phút nhóm nào nhanh nhất, và kết quả đúng  giành chiến thắng.  - GV chia 2 nhóm  -Tổng kết trò chơi.  -Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc. | - 1 HS nhắc lại yêu cầu  - Có 4 quả ớt  - Có 0 quả ớt  - Có 4 quả ớt  - 4 + 0 = 4  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS làm vào vở BT  Có 3 bông hoa và 0 bông hoa gà.  Phép tính: 3 + 0 = 3  -HS lắng nghe.  -Gộp … 5 con cá  a)5 + 0 = 5 b) 1 + 0 = 1  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm đôi điền kết quả vào vở.  3 + 0 = 3 2 + 0 = 2 0 + 0 = 0  -HS lắng nghe luật chơi.  - 2 đội tham gia chơi | | **3. Củng cố-** Ôn lại kiến thức đã học.  - Tuyên dương các học sinh tích cực. Nhắc nhở, động viên các HS khác tham gia hoạt động học tích cực hơn.  **+ Dặn dò**: Về nhà ôn các phép tính cộng trong phạm vi 10 | - Lắng nghe, ghi nhớ. |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**   |  | | --- | |  | |  | |  |   **Tiếng Việt**  **Luyện viết: Tập viết om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1.Kiến thức:**  **Giúp HS:**  - Củng cố các vần**om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  - Viết đúng các tiếng từ ngữ có vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  **2. Năng lực:**  **a. Năng lực chung:**  Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình.  **b. Năng lực đặc thù:**  - Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  có trong bài học.  - Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  - Phát triển cho HS kĩ năng quan sát, nhận biết các vần  **3. Phẩm chất:**  - Hs có ý thức viết cẩn thận  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  - Vở luyện tập  **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**  **TIẾT 1**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **1. Hoạt động Mở đầu:**  **1.1 Khởi động**  **2. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **2.1. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV yêu cầu một số HS đọc vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - GV yêu cầu một sốHS đánh vần tiếng mẫu ra, sẻ. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  -GV yêu cầu một số HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  •GV đưa các tiếng chứa vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**ở yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**).  • Đánh vần tiếng:  • Đọc trơn tiếng:  - Đọc tiếng chứa vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  -GV đưa các tiếng chứa âm s ở yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**).  • Đánh vần tiếng:  • Đọc trơn tiếng:  - GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.  c**. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **e. Đọc câu**  - HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  **2.2. Viết vở**  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **3. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và | -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số HS đọc vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um.** Sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh  - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tìm:  - HS: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  đang học.  -HS đọc trơn các tiếng chứa vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  đang học  - HS: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm s đang học.  -HS đọc trơn các tiếng chứa âm s đang học  -HS đọc tất cả các tiếng chứa vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  cá nhân, cả lớp - HS: nối tiếp đọc các từ dưới tranh  - Lớp đọc đồng thanh một số lần,  -HS viết vở luyện  -HS nhận xét |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**   |  | | --- | |  | |  | |  |   **Tiếng Việt**  **Luyện viết: Tập viết ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1.Kiến thức:**  **Giúp HS:**  - Củng cố các vần**ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  - Viết đúng các tiếng từ ngữ có vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  **2. Năng lực:**  **a. Năng lực chung:**  Tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình.  **b. Năng lực đặc thù:**  - Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  có trong bài học.  - Phát triển vốn từ cho HS dựa trên những từ ngữ chứa các vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  - Phát triển cho HS kĩ năng quan sát, nhận biết các vần  **3. Phẩm chất:**  - Hs có ý thức viết cẩn thận  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  - Vở luyện tập  **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**  **TIẾT 2**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **1. Hoạt động Mở đầu:**  **1.1 Khởi động**  **2. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **2.1. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV yêu cầu một số HS đọc vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - GV yêu cầu một sốHS đánh vần tiếng mẫu ra, sẻ. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  -GV yêu cầu một số HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  •GV đưa các tiếng chứa vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  ở yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**).  • Đánh vần tiếng:  • Đọc trơn tiếng:  - Đọc tiếng chứa vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  -GV đưa các tiếng chứa âm s ở yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  • Đánh vần tiếng:  • Đọc trơn tiếng:  - GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.  c**. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **e. Đọc câu**  - HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  **2.2. Viết vở**  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **3. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi vần **om, ôm, ơm, em, êm, im, um**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và | -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số HS đọc vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  **-** Sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh  - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tìm:  - HS: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  đang học.  -HS đọc trơn các tiếng chứa vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  đang học  - HS: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm s đang học.  -HS đọc trơn các tiếng chứa âm s đang học  -HS đọc tất cả các tiếng chứa vần **ai, ay, ây, oi, ôi, ơi**  cá nhân, cả lớp - HS: nối tiếp đọc các từ dưới tranh  - Lớp đọc đồng thanh một số lần,  -HS viết vở luyện  -HS nhận xét |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**   |  | | --- | |  | |  | |  |   **Tự nhiên và xã hội**  **Chủ đề 2: TRƯỜNG HỌC**  **Bài 9: Ôn tập chủ đề trường học (3 tiết)**  **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **1. Kiến thức:**  - Hệ thống hóa kiến thức đã học về trường, lớp  - Biết chia sẻ thông tin với bạn bè về lớp học, trường học và những hoạt động ở lớp, ởtrường  **2. Năng lực:**  **a.Năng lực chung:** -  Tự chủ và tự học:  + Biết giao tiếp, ứng xử phù hợp với vị trí, vai trò và các mối quan hệ của bản thân với các thành viên trong trường học, lớp học. + Nhận biết các tình huống xảy ra ở trường, lớp và cách ứng xử phù hợp trong những tình huống cụ thể. - Giao tiếp và hợp tác: Yêu quý trường lớp, kính trọng thầy cô giáo và các thành vên khác trong trường, đoàn kết giúp đỡ bạn bè.  **b. Năng lực đặc thù:**  **Năng lực nhận thức khoa học:**  + Hệ thống hóa kiến thức đã học về trường, lớp  + Biết chia sẻ thông tin với bạn bè về lớp học, trường học và những hoạt động ở lớp, ởtrường  **Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**  +Nhận biết các tình huống xảy ra ở trường, lớp và cách ứng xử phù hợp trong những tình huống cụ thể..  + Học sinh quan sát tranh ( SGK) trình bày ý kiến của mình  **Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng:**  + Biết giao tiếp, ứng xử phù hợp với vị trí, vai trò và các mối quan hệ của bản thân với các thành viên trong trường học, lớp học. + Có kĩ năng bảo vệ bản thân và nhắc nhở các bạn cùng vui chơi an toàn.  **3. Phẩm chất :**  - Chăm chỉ: Thực hiện được một số việc phù hợp giữ gìn trường lớp sạch đẹp và nhắc nhở các bạn cùng thực hiện.  - Trách nhiệm: Lựa chọn chơi những trò chơi an toàn khi  **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  - GV:  + Tranh ảnh về nội dung chủ đề  + Một số bộ bìa về trường lớp và các hoạt động của GV, HS cùng các thành viên khác trong trường.  - HS: Tranh ảnh về hoạt động ở trường học, lớp học của mình  **III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**  **TIẾT 1**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**GV tổ chức cho HS tìm và thi hát các bài hát về trường học, lớp học sau đó dẫn dắt vào bài ôn tập  **3. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **a.Hoạt động 1**  - GV hướng dẫn HS triển lãm tranh ảnh đã sưu tầm về chủ đề trường lớp theo từng nhóm.  C:\Users\HANG\Desktop\tranh 1- bai9.jpg  - GV tổ chức cho HS tham quan sản phẩm của từng nhóm.  - Đại diện nhóm thuyết minh về chủ đề nhóm đã lựa chọn, khuyến khích HS khác đặt câu hỏi cho nhóm, từ đó HS hiểu sâu hơn nội dung đã học.  - GV theo dõi nhóm nào thuyết minh tốt, nhiều tranh ảnh đẹp, khuyến khích trình bày trước cả lớp.  - GV bổ sung để hoàn thiện nội dung chủ đề.  - GV chiếu trên màn hình một số hình ảnh điển hình của chủ để Trường học để khắc sâu kiến thức đã học cho HS  Yêu cầu cần đạt: HS lựa chọn tranh ảnh đúng và nêu được nội dung cơ bản của chủ đề đã chọn  **b.Hoạt động 2**  GV tổ chức trò chơi “Em làm hướng dẫn viên du lịch” (Giới thiệu các hoạt động ở trường, lớp mình)  - Mục tiêu:  + Củng cố lại kiến thức đã học  + Rèn luyện kĩ năng giao tiếp, ngôn ngữ và tự tin  + Tạo không khí vui vẻ trong lớp học  - Chuẩn bị  HS chuẩn bị tranh ảnh về chủ đề trường lớp  - Cách chơi:  + GV chia lớp thành 2 nhóm và mỗi nhóm thảo luận về một chủ đề yêu thích:  1.Mời bạn đến thăm lớp học của tôi  2. Mời bạn đến thăm ngôi trường yêu quý của chúng tôi  + Các nhóm dán tranh ảnh chuẩn bị trước theo chủ đề đã chọn và chuẩn bị nội dung để giới thiệu trước lớp  + GV theo dõi, động viên và đánh giá  Yêu cầu cần đạt: HS nói được tên, địa chỉ lớp, trường học của mình; giới thiệu khái quát không gian trường học, lớp học và một số hoạt động trường lớp  **3. Đánh giá**  HS thể hiện được cảm xúc yêu quý trường lớp; kính trọng thầy cô; đoàn kết giúp đỡ bạn bè  **4. Hướng dẫn về nhà**  Kể về “chuyến du lịch trường học” của cả lớp với bố mẹ, anh chị  **\* Tổng kết tiết học**  - Nhắc lại nội dung bài học  - Nhận xét tiết học  - Hướng dẫn hs chuẩn bị bài sau | - HS tìm và thi hát các bài hát về trường học  -Các thành viên trong nhóm trao đổi, thảo luận về nội dung, ý nghĩa của từng bức tranh đã lựa chọn đồng thời đưa ra những thông tin để giới thiệu với bạn bè.  - HS tham quan sản phẩm của từng nhóm.  - Đại diện nhóm thuyết minh, các nhóm đặt câu hỏi cho nhóm bạn  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS quan sát hình ảnh  - HS lắng nghe luật chơi  - HS lắng nghe  - HS tham gia trò chơi  - HS theo dõi  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS nêu  - HS lắng nghe |   **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**   |  | | --- | |  | |  | |  | |

*Thứ sáu ngày 10 tháng 11 năm 2023*

**TOÁN**

**Bài 10 : PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10 ( 6 tiết)**

**Tiết 5**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

+ Nêu được các phép cộng có kết quả bằng 6.

+ Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.

+ Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của | bài toán.

+ Hình thành các phép cộng có kết quả bằng 6.

+ Củng cố phép cộng trong phạm vi 6.

+ Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập của mình**.**

- Năng lực giao tiếp : Biết trao đổi giúp đỡ nhau viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của |

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực tư duy và lập luận:

+ Nêu được các phép cộng có kết quả bằng 6.

+Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.

+ Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của | bài toán.

+ Hình thành các phép cộng có kết quả bằng 6.

+ Củng cố phép cộng trong phạm vi 6.

+ Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.

**3. Phẩm chất :**

Chăm chỉ : Rèn luyện tính cẩn thận ,nhanh nhẹn

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Tranh ảnh, máy tính

- sách vở, bảng con.

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - Ổn định  - Kiểm tra bài cũ  - Giới thiệu bài | Hs làm bảng con.  1 + 6 = 7 |
| **3. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **Luyện tập** |  |
| **Bài 1: Số ?**  -GV nêu yêu cầu bài tập  **-**Hướng dẫn HS “mô tả nội dung” từng hình rồi tìm kết quả của phép tính. a) 6 quả cam vàng và 2 quả cam xanh là 8 quả cam (6 + 2 = 8, 2 + 6 = 8).  -GV cho HS nhận xét kết quả của hai phép cộng đó: 6 + 2 và 2 + 6 cùng có kết quả bằng 8 để nhận ra 6 + 2 = 2 + 6  - GV cùng HS nhận xét | - HS theo dõi  - HS thực hiện  6 + 2 = 8, 2 + 6 = 8.   * HS nhận xét |
| **Bài 2:Tính nhẩm**  **-**GV nêu yêu cầu bài tập  - GV có thể hướng dẫn HS làm theo từng cột và tìm kết quả phép tính thứ nhất dựa vào “đếm thêm” rồi suy ra kết quả phép tính thứ hai trong cùng cột.  - Yêu cầu Hs nêu lần lượt các phép tính cộng  - GV cùng HS nhận xét | * HS theo dõi      * Hs nêu * Hs nhận xét |
| **Bài 3: Số ?**  **-**GV nêu yêu cầu bài tập  -GV hướng dẫn HS tìm ra kết quả của từng phép tính dựa vào “đếm thêm” hoặc phép cộng đã biết.  - HS thực hiện  - Gv cùng Hs nhận xét | * HS theo dõi * Hs thực hiện      * HS nhận xét |
| **Bài 4: Số ?**  **-** GV nêu yêu cầu bài tập  - GV ? Có 4 con bướm đang đậu và 4 con bướm bay tới . Hỏi có mấy con bướm?  - 4 thêm 4 là mấy?  - Nêu phép tính  GV hướng dẫn tương tự với câu b)  -HS thực hiện  -GV cùng Hs nhận xét | Có 4 con bướm đang đậuvà có 4 con bướm bay tới có tất cả 8 con bướm.  4 thêm 4 là 8  4 + 4 = 8     * HS thực hiện * HS nhận xét |
| **\*Trò chơi**  **-**GV nêu giải thích nội dung trò chơi  - HD HS nêu cách chơi  - GV tổ chức chơi theo từng nhóm  -GV cùng HS giám sát và đánh giá  - GV đánh giá chung, nhận xét  **3. Củng cố:**  **Gv củng cố nội dung nhận xét tiết học.** | * HS lắng nghe * HS chơi theo nhóm * Nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**TIẾNG VIỆT\***

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố kĩ năng nhận biết và đọc đúng các vầnui, ưi, ao, eo

đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các vần ui,ưi ,ao,eo

Làm đúng các bài tập chính tả có chứa vần ui hoặc ưi, eo hoặc eo

- Viết đúng các từthưa gửi,vui vẻ ,leo trèo,hòn đảo

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: tranh ảnh, bảng phụ.

- HS: Vở thực hành Tiếng việt 1 tập 1.

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức:**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Kiểm tra bài cũ:**  - GV gọi HS đọc lại câu trong SGK trang 91  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3. Bài mới:**  **a, Giới thiệu bài:**  **b, Nội dung:**  **Bài 1: Em thấy gì trong mỗi bức tranh dưới đây?**  - Gọi học sinh đọc yêu cầu  GV giáo dục các em cần quan tâm, chăm sác ông bà.  **Bài 2: Đọc rồi nối chữ với hình:**  -GV nêu yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ để nối chữ với hình cho thích hợp  -GV hướng dẫn HS làm bài tập.  - GV quan sát, theo dõi HS làm bài.  - GV nhận xét và chốt đáp án.  **Bài 3: Đọc**  -GV nêu yêu cầu bài tập  -GV yêu cầu HS đọc cá nhân, nhóm , lớp - ---GV gọi HS tìm tiếng ui, ưi, ao, eo?  - GV gọi HS nhận xét bạn trả lời  - GV nhận xét và chốt đáp án  -GV khen ngợi HS làm bài đúng.  **Bài 4: Viết các từ thưa gửi,vui vẻ ,leo trèo,hòn đảo**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV theo dõi và uốn nắn tư thế ngồi viết cho học sinh  **Bài 5:Điền vào chỗ trống:**  - GV đọc yêu cầu: a) ui hoặc ưi  - GV hướng dẫn HS chọn) ui hoặc ưi để điền vào chỗ chấm ở mỗi từ sao cho thích hợp.  - Yêu cầu HS làm bài  - GV quan sát.  - Gọi HS lên bảng làm bài  - GV nhận xét, chốt đáp án.  **4. Củng cố:**  - Nhắc lại nội dung bài học.  - Nhận xét tiết học.  **5. Dặn dò:**  - Chuẩn bị bài sau. | -Hs chơi  -HS đọc bài.  - HS đọc yêu cầu  -Bạn nhỏ mời ông bà uống nước trà.  -Bà ngồi đan len.  - HS đọc yêu cầu  - HS quan sát.  -HS làm bài vào vở thực hành + 2 HS lên bảng điền.  - HS lắng nghe  - HS đọc  - Tiếng vui,túi,gửi,táo ,đào , khéo.  - HS lắng nghe và nhắc lại  - HS nêu yêu cầu  - Học sinh viết bài vào vở  - HS làm vào VTH  - 1 HS lên bảng làm  a.vui vẻ, gửi gắm, gần gũi  b. cái kéo,con cáo, cao lớn,keo dán.  - HS khác nhận xét  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**Tiếng Việt**

**Bài 45: Ôn tập và kể chuyện**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Kiến thức:**

- HS nắm vững cách đọc các vần *ui, ưi, eo, ao, au, âu, êu, iu, ưu* cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần *ui, ưi, eo, ao, au, âu, êu, iu, ưu.*

- Hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua câu chuyện rèn cho HS kĩ năng xử lí tình huống.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực ngôn ngữ:

+ HS phát triển kĩ năng viết thông qua viết câu có chứa một số âm - vần đã học.

+ HS phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe và kể câu chuyện *Sự tích bông hoa cúc trắng* trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện.

**3. Phẩm chất:**

Nhân ái :Cảm nhận được tình cảm của cô bé dành cho mẹ trong câu chuyện

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của các vần ui, ti, ao, eo, au, âu, êu, ưu, iu; cấu tạo, quy trình và cách viết các chữ ui, ưi, ao, eo, au, àu, êu, ưu, iu; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách gìải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý nghĩa của những từ ngữ khó hoặc dễ nhấm lẫn.

- Tam Đảo: khu du lịch nằm trên dãy núi Tam Đảoở độ cao trên 900m so với mực nước biển, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 80km. Phong cảnh nơi đây đẹp, yên tĩnh, khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm. Tam Đảo là nơi nghỉ dưỡng lí tưởng, đặc biệt là vào mùa hè.

**III. CÁCHOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Mở đầu:**  **Khởi động**  - HS viết ui, ưi, ao, eo, au, âu, êu, iu,ưu  **2. Hoạt động Luyện tập thực hành:**  **2.1. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu HS đọc trơn các tiếng (cá nhân, nhóm), đọc đồng thanh (cả lớp). Ngoài những tiếng có trong SHS, nếu có thời gìan ôn luyện, GV có thể cho HS đọc thêm các tiếng chứa vần được học trong tuần: vui, ngửi, cao, mèo, cau, nấu, đều, địu, mưu.  - Đọc từ ngữ: HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ, lớp đọc trơn GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại HS tự đọc ở nhà.  **2.2. Đọc đoạn HS đọc thầm cả đoạn,** tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  + Nghỉ hè, nhà Hà đi đâu?  + Hà ngắm mây mù khi nào?  + Mùa hè ở Tam Đảo như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.3. Viết câu**  - GV hướng dẫn HS viết vào vở Tập viết 1, tập một câu “Tàu neo đậu ven b." chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gìan cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | -HS viết  -HS đọc cá nhân, lớp đồng thanh.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | củi | cửi | chào | đẽo | rau | câu | rêu | dịu | sưu | | vui | ngửi | cao | mèo | cau | nấu | đều | địu | mưu |   - HS đọc cá tiếng học trong tuần  - HS đọc cá nhân, cả lớp đồng thanh các từ ngữ.  khâu vá  gửi quà  ngôi sao  Kéo co  vui vẻ  kêu gọi  chịu khó  cây cau  mưu trí  HS: *Đảo, thiu thiu, chịu*  - HS: lắng nghe  - HS : đọc cá nhân, lớp đồng thanh.  - HS: đi Tam Đảo  - HS: Khi ngủ dậy  - HS: mùa hè ở Tam Đảo là dễ chịu  -HS viết  -HS nhận xét  -HS lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.4. Kể chuyện**  a. Văn bản  SỰ TÍCH HOA CÚC TRẮNG  Ngày xưa, có hai mẹ con đơn côi sống trong túp lều nhỏ. Người mẹ làm việc quá nhiều nên bị bệnh nặng. Nhà nghèo không có tiền mua thuốc cho mẹ, người con buồn rầu ngồi khóc.  Một cụ gìà râu tóc bạc trắng đi qua. Sau khi nghe cô bé kể lại câu chuyện, cụ bảo cô hãy đi đến gốc cây cổ thụ đầu rừng tìm bông hoa cúc màu trắng, có bốn cánh để làm thuốc cứu mẹ. Cô bé đi vào rừng, đến cây chỗ cụ gìà chi và thấy một bông cúc trắng. Cô hái bông hoa, nâng niu trên tay như là vật quý. Đột nhiên, cô bé lại nghe thấy tiếng cụ gìà vầng vẳng dặn rằng: Bông hoa có bao nhiêu cánh thì mẹ của con sẽ sống được bấy nhiêu ngày.  Suy nghĩ một lát rồi cô bé nhẹ nhàng xé từng cánh hoa ra thành rất nhiều sợi nhỏ. Từ bông hoa chỉ có bốn cánh, gìờ đã trở thành bông hoa có vô vàn cánh nhỏ. Cô bé mang bông hoa chạy nhanh về nhà chữa bệnh cho mẹ. Mẹ của cô khỏi bệnh. Đó chính là phần thưởng cho lòng hiếu thảo, dũng cảm và sự thông minh của cô bé.  (Theo Truyện cổ tích Nhật Bản)  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lắn 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến buồn rầu ngồi khóc. GV hỏi HS:  1. Truyện có mấy nhân vật?  2. Vì sao người mẹ bị ốm?  Đoạn 2: Từ Một cụ gìà đến sống được bấy nhiêu ngày. GV hỏi HS:  3. Cô bé gặp ai?  4. Cụ gìà nói với cô bé điều gì?  Đoạn 3: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  5. Cô bé đã làm gì để mẹ cô được sống lâu?  6. Nhờ đâu người mẹ khỏi bệnh?  - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  **c. HS kể chuyện**  - GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện. GV cn tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kể chuyện. Tuỳ vào khả năng của HS và điều kiện thời gìan để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **3. Củng cố**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV cho một số từ ngữ có những vần vừa ôn và HS đặt câu với những từ ngữ đó hoặc chơi trò chơi phù hợp (nếu còn thời gìan). GV lưu ý HS ôn lại các vần vừa học và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà; kể cho người thân trong gìa đình hoặc bạn bè câu chuyện Sự tích hoa cúc trắng. | -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS: 3 nhân vật  -HS: Người mẹ làm việc quá nhiều nên bị bệnh nặng.  -HS: Một cụ gìà râu tóc bạc trắng đi qua  -HS: cô hãy đi đến gốc cây cổ thụ đầu rừng tìm bông hoa cúc màu trắng, có bốn cánh để làm thuốc cứu mẹ.  -HS: Cô bé đi vào rừng, đến cây chỗ cụ gìà chi và thấy một bông cúc trắng. Cô hái bông hoa, nâng niu trên tay như là vật quý  -HS: cô bé nhẹ nhàng xé từng cánh hoa ra thành rất nhiều sợi nhỏ. Từ bông hoa chỉ có bốn cánh, gìờ đã trở thành bông hoa có vô vàn cánh nhỏ. Cô bé mang bông hoa chạy nhanh về nhà chữa bệnh cho mẹ. Mẹ của cô khỏi bệnh.  -HS kể từng đoạn theo gợi ý của tranh  -HS kể toàn bộ câu chuyện  -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**SINH HOẠT TẬP THỂ TUẦN 10**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Giúp HS biết được những ưu điểm và hạn chế về việc thực hiện nội quy, nề nếp trong 1 tuần học tập vừa qua.

- GDHS chủ đề 3 “Truyền thống trường em”

- Biết được bổn phận, trách nhiệm xây dựng tập thể lớp vững mạnh, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Hình thành một số kỹ năng về xây dựng tập thể, kỹ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kỹ năng nhận xét và tự nhận xét; hình thành và phát triển năng lực tự quản.

- Có ý tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, tính tích cực, tự giác trong hoạt động tập thể, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* GV :băng đĩa nhạc, bảng phụ tổ chức trò chơi, bông hoa khen thưởng…
* HS: Chia thành nhóm, hoạt động theo Ban.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  \* Mục tiêu: HS biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.  \*Cách thức tiến hành:  - Lớp trưởng mời lần lượt các trưởng ban lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của lớp trong tuần qua.  - GV chủ nhiệm dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp nhận xét tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện.  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  - GV chủ nhiệm nêu kế hoạch, nhiệm vụ trong tuần và hướng phấn đấu thi đua để cả lớp thực hiện. | -HS hát một số bài hát.  -Các trưởng ban nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của các ban.  - HS nghe.  - HS nghe. |
| **3. Sinh hoạt theo chủ đề**  -GV cho HS chia sẻ những điều em đã thực hiện theo Năm điều Bác Hồ dạy  -Gv phát và hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm  GV nhận xét, dặn dò:  -Tổ chức nhận xét chung buổi sinh hoạt lớp  -Động viên, khen ngợi những HS thực hiện tốt hoạt động vận dụng và có những chia sẻ hay  -Dặn dò HS chuẩn bị cho hoạt động trải nghiệm tuần tới | -HS lắng nghe, nhận xét  -HS thực hành làm sản phẩm theo ý tưởng, ý thích của bản thân |
| **Đánh giá**  **Cá nhân tự đánh giá**  -GV hướng dẫn HS tự đánh giá theo các mức độ dưới dây:  -Tốt: Thực hiện thường xuyên được các yêu cầu sau:  +Kể được những việc cần làm theo Năm điều Bác Hồ dạy  +Thực hiện được Năm điều Bác Hồ dạy hằng ngày  -Đạt: Thực hiện được yêu cầu trên nhưng chưa thường xuyên  -Cần cố gắng: Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa thể hiện rõ, chưa thường xuyên  **Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung | -HS tự đánh giá  -HS theo dõi |
| **4. Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |

**CHỦ ĐỀ 5: Ý KIẾN CỦA EM**

**Ý kiến của em cũng quan trọng cần được mọi người tôn trọng.**

**Em cần biết tôn trọng ý kiến của người khác.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Về năng lực:**

***1.1Năng lực chung*:**

Biết tự học và giao tiếp, hợp tác với bạn

***1.2 Năng lực đặc thù****:*

Các em có quyền mong muốn riêng, có quyền nói ra những mong muốn đó.

***1.2 Năng lực đặc thù****:*

Em cần bày tỏ những mong muốn của mình với cha mẹ, thầy cô, bạn bè. Ý kiến của em được mọi người tôn trọng . Em cần tôn trọng ý kiến bạn bè và mọi người.

**2. Về phẩm chất:**

Có thái độ bạo dạn, tự tin, mạnh dạn phát biểu ý kiến trong lớp học, biết lắng nghe, không ngắt lời người khác. Biết thu nhận các thông tin, ý kiến của bạn bè .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Đồ dùng đóng vai phóng viên

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1; **Khởi động**(5’):  Trò chơi đoán xem ai ?  2; **Hoạt động 1(15’):**  - Em thích gì nhất ?  - Người mà em yêu thích nhất là ai ?  - Con vật mà em yêu thích nhất là con gì ?  - Em mong muốn lớn lên sẽ làm gì ?  - GV yêu cầu HS nêu ý kiến .  - Trình bày ý kiến trước tổ, lớp .  - Em có đồng ý với bạn không ?  - Các em có quyền có sở thích riêng, ý kiến riêng . Các em có quyền chia sẽ với bạn bè, công việc, cha mẹ về những điều mình nghĩ. Em nêu ý kiến, mọi người sẽ lắng nghe và tôn trọng .  **3. Hoạt động 2(15’):**  *Trò chơi đóng vai .*  - Các em có quyền có ý kiến riêng.  - Các em cần mạnh dạn chia sẻ với bạn bè, người than những ý kiến vủa mình. Ý kiến của các em sẽ được lắng nghe và tôn trọng .  - Em cũng cần tôn trọng ý kiến của người khác . | + Nhóm 2 người .  Thảo luận .  - Học sinh trình bày .  - Đóng vai phóng viên báo nhi đồng, phỏng vấn các bạn trong lớp .  - Chào bạn . Tôi là phóng viên báo nhi đồng, còn bạn tên gì . Bạn học lớp mấy . Bạn có yêu trường, yêu lớp bạn không ?  - Đi học bạn có thấy vui không ? Bạn thích sinh hoạt sao nhi đồng không ?  - Bạn thích chơi trò gì ? |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |